

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

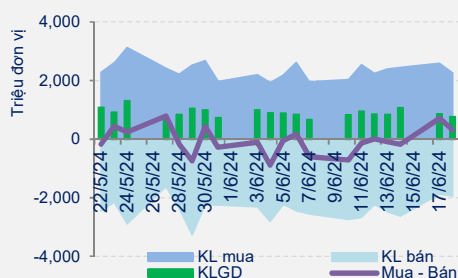
18/6/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

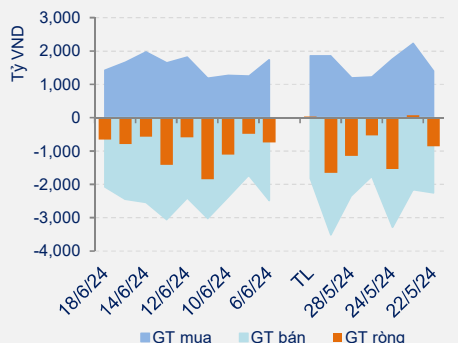
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,279.50	244.43
% Thay đổi	↑ 0.37%	↑ 0.52%
KLGD (CP)	769,768,048	55,216,933
GTGD (tỷ đồng)	22,484.75	1,211.32
Tổng cung (CP)	1,945,592,895	103,353,700
Tổng cầu (CP)	2,255,378,305	90,902,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	53,821,231	1,265,047
KL mua (CP)	41,396,100	1,728,510
GT mua (tỷ đồng)	1,423.08	59.97
GT bán (tỷ đồng)	2,077.71	36.27
GT ròng (tỷ đồng)	(654.63)	23.70

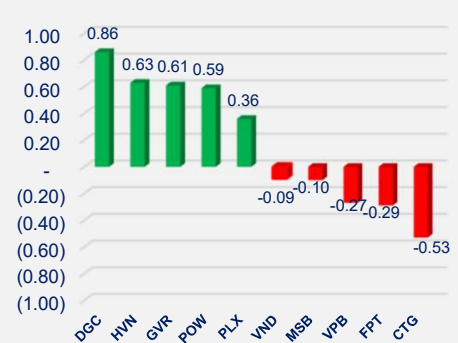
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm hôm qua thị trường mở cửa phiên sáng nay trong sắc xanh và đà tăng điểm được duy trì sang tới đầu phiên chiều khi có thời điểm VN_Index tăng lên đến mốc 1.286,52 điểm tuy nhiên áp lực bán đến từ lượng cổ phiếu về tài khoản của phiên giao dịch thứ 6 tuần trước từ sau 14h khiến cho VN-index chốt phiên tăng +4,73 điểm (+0,37%) lên mốc 1.279,5 điểm. HNX kết phiên tại mốc 244,43 điểm (+0,5 điểm, tương ứng +0,04%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với 214 cổ phiếu tăng giá, 107 cổ phiếu giảm giá, 51 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 103 cổ phiếu tăng giá, 67 cổ phiếu tham chiếu và 70 cổ phiếu giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn giảm so với phiên giao dịch hôm qua khi khối lượng giao dịch (không bao gồm thỏa thuận) -18,7% tại HOSE và -21,6% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục đà bán ròng với -655,4 tỷ đồng tại HOSE, tiếp tục tập trung tại mã FPT (-301,8 tỷ), cùng với đó là bán ròng các mã VPB (-105,7 tỷ), DGC (-82,7 tỷ) và VNM (-78,1 tỷ)...ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng các mã DBC (+47,8 tỷ), HSG (+46,6 tỷ)... Giá trị mua ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với +24 tỷ đồng, tập trung tại các mã MBS (+18,3 tỷ), VCS (+9 tỷ) và IDC (+4,4 tỷ), chiều bán ròng nổi bật với PVS (-5 tỷ), GKM (-3,9 tỷ), CEO (-1,8 tỷ)...

Thị trường đón nhận thông tin Trung Quốc điều tra chống bán phá giá với thịt lợn châu Âu, chỉ vài ngày sau khi EU tăng thuế nhập khẩu lên tới 38,1% đối với xe điện đến từ Trung Quốc. EU đóng góp hơn 50% trong 6 tỷ USD thiệt hại nhập khẩu của Trung Quốc năm 2023 (theo số liệu hải quan). Giới phân tích cho rằng Trung Quốc có thể phải nhập thịt lợn từ các thị trường khác để bù đắp sự thiếu hụt nếu áp dụng hạn chế nhập khẩu thịt từ châu Âu. Tính từ đầu năm đến nay, giá thịt heo hơi tại Việt Nam đã tăng từ 35,25% - 36,5% tùy miền lên 66.900 VNĐ/kg - 69.200 VNĐ/kg. Với thông tin trên các cổ phiếu trong ngành chăn nuôi đều có diễn biến tích cực như DBC (+2,02%), BAF (+1,65%), HAG (+1,49%).

Nhóm ngành nổi bật đóng góp cho sự tăng điểm của VN-INDEX hôm nay là Hóa Chất với mã DGC tăng hết biên độ (+7%), CSV (+4,32%). Các cổ phiếu Phân Bón cũng giao dịch trong sắc xanh, tiêu biểu mã DCM (+1,27%), DPM (+0,27%), BFC (+4,17%), LAS (+3,62%), DDV (+3,17%)...

Nhóm cổ phiếu Điện giao dịch rất tích cực, đặc biệt là cổ phiếu POW tăng hết biên độ (+6,81%) sau khi HĐQT thông qua hợp đồng mua bán khí của nhà máy điện Cà Mau 1&2, cùng với các cổ phiếu khác như REE (+3,08%), NT2 (+1,56%), PPC (+2,28%), GEG (+2,5%)...Nhóm Dầu Khí cũng chứng kiến nhiều mã tăng điểm sau khi giá dầu thế giới có phiên tăng mạnh hôm qua trước kỳ vọng nhu cầu gia tăng trong mùa hè, tiêu biểu là PLX (+2,76%), PVD (1,13%), PVS (+1,16%), BSR (+4,29%), OIL (+2,73%), PVC (+1,92%)...

Ghi nhận trong phiên hôm nay, nhóm ngành CNTT có sự phân hóa với cổ phiếu trụ FPT (-0,62%), ELC (-2,11%), các cổ phiếu như CMG (+0,74%), ITD (+6,98%), ICT (+6,82%) giao dịch tích cực. Các cổ phiếu Thép hôm nay có sự điều chỉnh nhẹ với HPG (-0,17%), NKG (-0,75%), riêng cổ phiếu HSG sau phiên tăng trần hôm qua thì kết phiên hôm nay tham chiếu (0%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 0,5 điểm (+0,04%), đóng cửa tại 1.308,5 điểm, chênh lệch -1,39 điểm so với VN30. Khối lượng hợp đồng giao dịch +1,37% so với phiên hôm qua, cao hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 dao động trong vùng 1.300 - 1.330 điểm và độ chênh lệch luôn có xu hướng quanh +/-0 điểm khi gần tới ngày đáo hạn phái sinh. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2407 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -0,39 điểm đến -1,69 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là 48.273 so với phiên gần nhất là 49.879 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Trong phiên hôm nay VN-INDEX có diễn biến tích cực hơn phiên trước, khi phục hồi tốt lên vùng giá quanh 1.285 điểm với nhiều mã/nhóm mã thu hút dòng tiền, lực cầu giá lên khá tốt, nhưng mức độ phân hóa rất mạnh và chịu áp lực điều chỉnh vào cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng 4,73 điểm (+ 0,37%) ở mức 1.279,50 điểm, quanh đường giá trung bình 20 phiên với thanh khoản tiếp tục suy giảm.

Ngắn hạn VN-INDEX biến động, tích lũy trong vùng 1.250 điểm - 1.300 điểm. Trong đó điểm cân bằng là vùng giá quanh 1.280 điểm, tương ứng giá trung bình 20 phiên của VN-INDEX. Trong những phiên tới VN-INDEX có thể phục hồi kiểm tra lại vùng giá quanh 1.280 điểm, nếu vượt lên trên vùng giá này thì vẫn có kỳ vọng chỉ số quay trở lại vùng kháng cự 1.295 điểm. Diễn biến của VN-INDEX hiện tại kỳ vọng sẽ tương tự như VN30 ở thời điểm phiên 20/05/2024, khi VN30 chịu áp lực điều chỉnh mạnh tại vùng đỉnh giá tháng 3/2024 nhưng sau đó phục hồi và tiếp tục đi lên. Nếu theo kịch bản này kỳ vọng VNINDEX vẫn sẽ vượt lên vùng giá quanh 1.295 điểm, nhưng thị trường chung cần đánh giá, cập nhật thêm các yếu tố cơ bản, kết quả kinh doanh quý II. Trường hợp kém tích cực VN-INDEX sẽ tích lũy trong vùng 1.250 điểm - 1.280 điểm.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX duy trì biến động trong kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên tới 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Trong ngắn hạn chỉ số VN-INDEX không giữ được đường xu hướng tăng trưởng (đường nổi giá thấp nhất 1.166 điểm - 1.170 điểm ngày 19, 23/04/2024 với 1.252 điểm là giá thấp nhất ngày 30/05/202). Việc VN-INDEX đang giao dịch kém tích cực dưới đường giá trung bình 20 phiên tương ứng quanh 1.280 điểm - 1.285 điểm sẽ gây áp lực bán ngắn hạn đối với các vị thế tỉ trọng cổ phiếu cao, dư nợ lớn. Nhà đầu tư ngắn hạn đang có tỉ lệ dư nợ cao hoặc danh mục mở rộng quá mức tiếp tục xem xét, giảm tỉ trọng đối với các mã đã đạt kỳ vọng hoặc cơ cấu danh mục theo hướng bán các mã yếu kém để dành nguồn lực sang các mã tiềm năng hơn, có kỳ vọng tăng trưởng tốt trong cuối năm. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới, cần đánh giá cần trọng hơn dựa trên kết quả kinh doanh quý II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành, khi quý II/2024 đang dần kết thúc. Trường hợp tỉ trọng hợp lý, dưới mức trung bình có thể xem xét giải ngân các mã đang có thanh khoản gia tăng tốt trở lại, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có kết quả kinh doanh triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

18/6/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DCM	38.45	33-34	40-42	32	16.6	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	24.09	21-22.4	26-28	20	9.3	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MBB	23.25	22.7-23.2	26.5-27.5	21	6.0	-3.5%	-9.8%	Theo dõi giải ngân
CLX	18.30	17.3-18.3	26-28	16	8.8	0.9%	0.8%	Theo dõi giải ngân
DVN	23.37	21-22.3	26-27	19	16.1	-2.8%	-17.9%	Theo dõi giải ngân
MIG	21.85	20.8-21.6	25-26	20	13.1	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân
PHP	29.26	26-27.5	32-34	24	17.1	12.5%	-6.7%	Theo dõi giải ngân
DPM	37.40	35-36	40-41	34	27.3	1.3%	1.6%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	36.30	32	38-39	36	13.4%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	43.95	36.8	46-47	43	19.4%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	128.00	98.4	133-135	125	30.1%	Nắm giữ
17/6/2024	MBB	23.25	23	26.5-27.5	22	1.1%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	18.30	17.5	26-28	16	4.6%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ

TPHCM tiếp tục nghiên cứu phương án thiết kế nhà hát Thủ Thiêm 2.000 tỷ đồng

Dự án Nhà hát Thủ Thiêm được HĐND TPHCM thông qua chủ trương đầu tư tháng 10/2018, tổng mức đầu tư hơn 1.500 tỷ đồng. Nhà hát có quy mô 1.700 chỗ ngồi, gồm 1 khán phòng lớn 1.200 chỗ và 1 khán phòng nhỏ 500 chỗ. Nhà hát nằm trên lô đất có ký hiệu 1-21 (bên hông cầu Ba Son), rộng 10.030 m2. Công trình dự kiến hoàn thành năm 2022 nhưng do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và điều kiện ngân sách gặp nhiều khó khăn nên TPHCM chưa thể bố trí vốn đầu tư xây dựng trong năm 2021 và 2022.

Chi tiết về thời hạn nộp thuế GTGT được gia hạn năm 2024

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng, quý được gia hạn như sau:
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2024 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2024.
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2024 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2024.
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 7 năm 2024 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2024.
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2024 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2024.
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 9 năm 2024 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2024.
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý II năm 2024 chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.
 Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý III năm 2024 chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Giá xuất khẩu clinker và xi măng liên tục giảm sâu

Theo Bộ Xây dựng, trong vòng 10 năm qua, sản lượng xuất khẩu xi măng, clinker có tăng lên, tuy nhiên từ 2022 đến nay, xuất khẩu giảm mạnh, chỉ còn 15,2 triệu tấn (bằng 52,9% năm 2021) và tiếp tục giảm còn 10,9 triệu tấn năm 2023 (bằng 71,7% năm 2022). Báo cáo của Bộ Xây dựng cho hay: "Giá FOB xuất khẩu trung bình với clinker và xi măng năm 2022 lần lượt là 46-48 USD/tấn và 51-53 USD/tấn thì ở thời điểm tháng 5/2024 đã tụt xuống chỉ còn 31-32 USD/tấn đối với clinker và 38-48 USD/tấn đối với xi măng. Riêng xi măng rời khoảng 36-37 USD/tấn". Sở dĩ, sản lượng xuất khẩu tiếp tục giảm là do Trung Quốc giảm nhập khẩu, bởi thị trường bất động sản nước này chưa có dấu hiệu khởi sắc.

Bộ Công Thương: Chính sách giá điện hỗ trợ điện tái tạo không còn phù hợp

Theo lập luận của Bộ Công Thương, chính sách giá FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Hiện nay, Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định về NLTT, vì vậy, Bộ Công Thương cho rằng cần nghiên cứu chuyển dịch từ chính sách hỗ trợ sang chính sách cạnh tranh nhằm tăng cường hiệu quả trong quản lý hệ thống, cạnh tranh về chi phí và đảm bảo cung cấp điện chất lượng, ổn định, bền vững. "Theo đó, việc tiếp tục duy trì các chính sách giá FIT nêu trên không còn phù hợp", Bộ Công Thương khẳng định việc khuyến khích nguồn điện NLTT nên được thực hiện thông qua khung giá phát điện, linh hoạt để phù hợp định hướng phát triển trong từng thời kỳ.

TIN DOANH NGHIỆP

CMG: Công nghệ và Giải pháp CMC - 'át chủ bài' giành chiến thắng hơn 500 gói thầu

Từ đầu năm 2024 đến nay, CMC TS đã trúng 20 gói thầu tại nhiều chủ đầu tư. Năm 2021 là 'đỉnh cao' trong hoạt động đấu thầu của doanh nghiệp này, với việc thắng thầu tới 103 gói. Tiếp đến là các năm 2022 (94 gói); 2023 (85 gói); 2020 (79 gói)...

Đối tác quen thuộc của Tổng cục Thuế: Cụ thể, công ty con của Tập đoàn công nghệ CMC đã tham gia 36 gói thầu tại chủ đầu tư này, trong đó trúng đến 32 gói thầu (tỷ lệ thắng thầu gần 89%). Mới đây, CMC TS đã được Tổng cục Thuế công bố trúng gói thầu dịch vụ quản trị hạ tầng CNTT ngành thuế, với nguồn vốn là ngân sách Nhà nước thuộc kế hoạch, danh mục dự toán triển khai ứng dụng CNTT năm 2023. Gói thầu này có giá 12.013.000.000 đồng, với 2 nhà thầu tham gia.

VCG: Nhóm Dragon Capital trở lại làm cổ đông lớn của Vinaconex

Vào phiên 14/6, quỹ ngoại liên quan của nhóm Dragon Capital là Wareham Group Limited đã mua vào 150.000 cổ phiếu VCG. Sau giao dịch, sở hữu của nhóm quỹ ngoại tăng từ 26,57 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 4,97%) lên 26,72 triệu cổ phiếu (tỷ lệ hơn 5%). Với tỷ lệ sở hữu mới này, Dragon Capital đã quay trở lại làm cổ đông lớn của Vinaconex.

Về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, vào hạ tuần tháng 5 vừa qua, HĐQT Vinaconex đã ban hành quyết định chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư tại Công ty cổ phần Cảng quốc tế Vạn Ninh.

Cụ thể, Vinaconex sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ 2 triệu cổ phần đang sở hữu cho các nhà đầu tư quan tâm. Tiến độ hoàn thành giao dịch trước ngày 20/6/2024.

Đèo Cả xin thêm nghìn tỷ đồng ngân sách làm cao tốc

Dự án cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc gặp khó về phương án tài chính, Tập đoàn Đèo Cả đề nghị xin thêm hơn 2.400 tỷ đồng ngân sách để thực hiện. Cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc đi qua Đồng Nai và Lâm Đồng được Thủ tướng phê duyệt chủ trương đầu tư hồi tháng 11/2022, dài khoảng 66km, tổng vốn đầu tư khoảng 18.120 tỷ đồng.

Theo Tập đoàn Đèo Cả, dự án cao tốc này đang đối diện với khó khăn về tài chính ngay ở bước lập báo cáo khả thi.

Cụ thể, theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước cho biết, thời gian hoàn vốn hơn 28 năm rất khó khả thi để huy động vốn. Bộ Kế hoạch và đầu tư cũng nhận định thời gian hoàn vốn khá dài so với các dự án khác thuộc lĩnh vực giao thông vận tải. Đồng thời, dự án sẽ khó vay vốn từ các tổ chức tín dụng do nguồn vốn này chủ yếu là nguồn ngắn hạn.

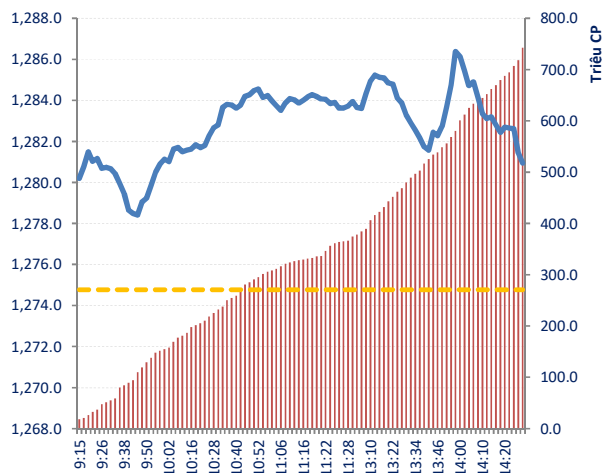
CTD: Thi công nhà máy của VinFast tại nước ngoài, ước tính có thêm 5.000 tỷ đồng backlog

Ước tính trong giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 5/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons (mã cổ phiếu CTD) có thể đã ký thêm được 5.000 tỷ đồng backlog, nâng tổng giá trị backlog năm tài chính 2024 lên hơn 20.000 tỷ đồng.

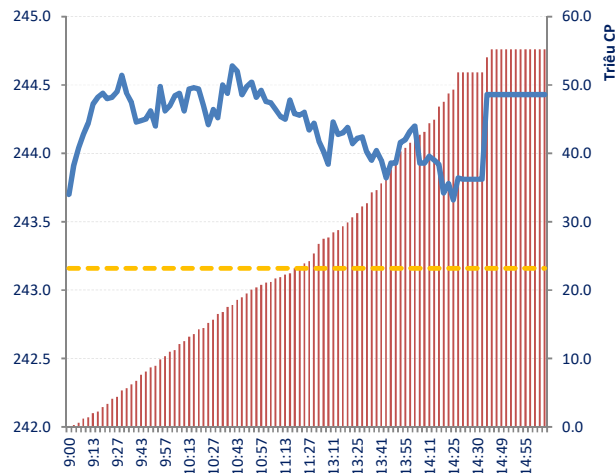
Dự kiến Xây dựng Coteccons sẽ cung cấp thông tin rõ ràng hơn đến cổ đông về các gói thầu này trong 2 - 3 quý tới. Thị trường quốc tế được kỳ vọng sẽ trở thành động lực mới, giúp Xây dựng Coteccons hiện thức hoá mục tiêu doanh thu đạt 3 tỷ USD trong thời gian tới.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

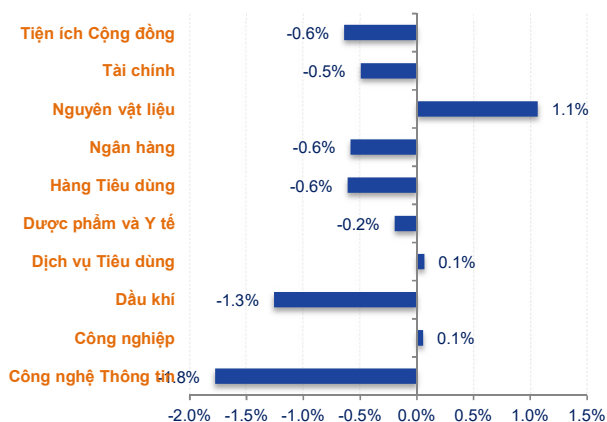
KLGD và VN-Index trong phiên



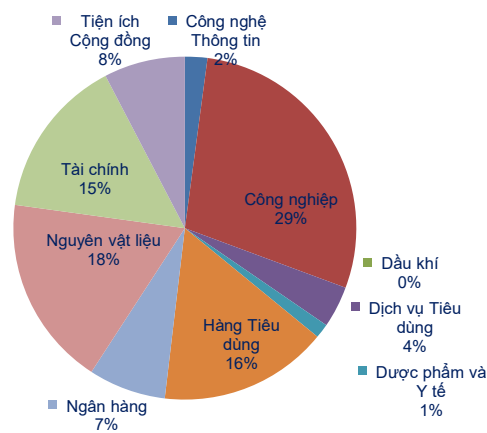
KLGD và HNX-Index trong phiên



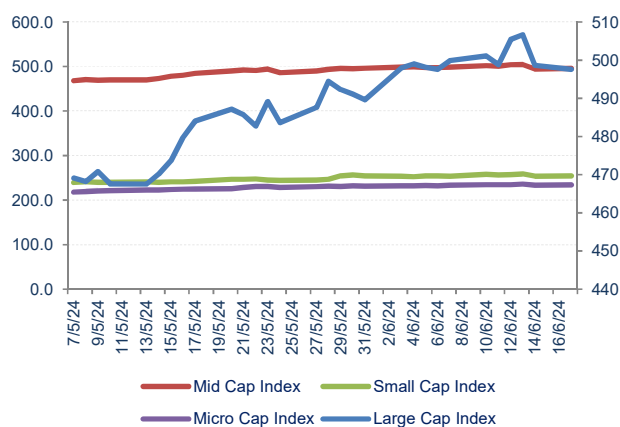
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



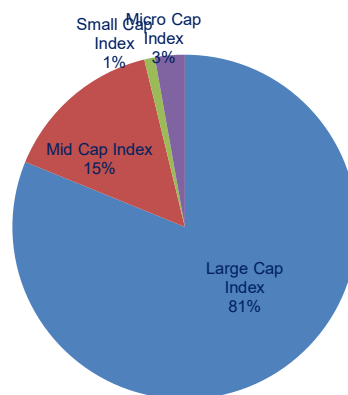
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	2,326,100	VPB	5,576,433
2	TPB	1,897,138	MSB	2,631,900
3	HSG	1,851,500	VND	2,514,150
4	HHS	1,595,400	FPT	2,338,276
5	DBC	1,348,360	HPG	2,148,260

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBS	540,600	TIG	117,500
2	TNG	153,500	GKM	115,600
3	VCS	109,100	PVS	115,000
4	IDC	71,820	CEO	100,300
5	IDJ	57,500	AMV	63,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
TCB	48.60	48.80	↑ 0.41%	44,387,300
VPB	18.75	18.60	↓ -0.80%	37,891,600
MSB	14.80	14.60	↓ -1.35%	37,872,164
POW	13.95	14.90	↑ 6.81%	36,877,000
LPB	27.20	27.10	↓ -0.37%	36,277,292

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.50	18.50	→ 0.00%	7,069,500
MBS	33.60	34.20	↑ 1.79%	3,783,383
CEO	18.10	18.10	→ 0.00%	3,727,371
PVS	43.10	43.60	↑ 1.16%	3,307,065
GKM	37.30	34.00	↓ -8.85%	2,924,604

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HNA	25.00	26.75	1.75	↑ 7.00%
DGC	121.50	130.00	8.50	↑ 7.00%
TNH	22.15	23.70	1.55	↑ 7.00%
ITD	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%
NTL	45.90	49.10	3.20	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCR	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
GLT	23.30	25.60	2.30	↑ 9.87%
VE1	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
SFN	17.70	19.40	1.70	↑ 9.60%
CMC	10.50	11.50	1.00	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SC5	19.70	18.35	-1.35	↓ -6.85%
HU1	6.42	6.01	-0.41	↓ -6.39%
DBT	13.90	13.30	-0.60	↓ -4.32%
HTN	14.20	13.60	-0.60	↓ -4.23%
DXV	5.75	5.51	-0.24	↓ -4.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GDW	33.10	29.80	-3.30	↓ -9.97%
EBS	14.30	12.90	-1.40	↓ -9.79%
V21	7.70	7.00	-0.70	↓ -9.09%
GKM	37.30	34.00	-3.30	↓ -8.85%
V12	12.70	11.60	-1.10	↓ -8.66%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	44,387,300	15.2%	5,606	8.7	1.2
VPB	37,891,600	8.9%	1,525	12.3	1.0
MSB	37,872,164	14.9%	2,310	6.4	0.9
POW	36,877,000	2.4%	350	39.9	1.0
LPB	36,277,292	21.6%	2,914	9.3	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	7,069,500	5.7%	688	26.9	1.4
MBS	3,783,383	13.0%	1,475	22.8	2.8
CEO	3,727,371	2.8%	365	49.6	1.5
PVS	3,307,065	7.1%	1,992	21.6	1.5
GKM	2,924,604	17.5%	1,999	18.7	3.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HNA	↑ 7.0%	5.1%	694	36.0	1.8
DGC	↑ 7.0%	24.6%	7,884	15.4	3.7
TNH	↑ 7.0%	8.3%	1,246	17.8	1.5
ITD	↑ 7.0%	-15.3%	(2,417)	-	1.2
NTL	↑ 7.0%	28.8%	6,062	7.6	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCR	↑ 10.0%	5.5%	625	20.8	1.1
GLT	↑ 9.9%	3.1%	547	42.6	1.4
VE1	↑ 9.8%	-10.1%	(463)	-	0.9
SFN	↑ 9.6%	12.5%	3,239	5.5	0.7
CMC	↑ 9.5%	5.2%	717	14.7	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	2,326,100	2.4%	350	39.9	1.0
TPB	1,897,138	13.9%	2,041	9.1	1.2
HSG	1,851,500	8.1%	1,423	17.7	1.4
HHS	1,595,400	9.6%	1,328	7.8	0.8
DBC	1,348,360	8.9%	1,729	20.0	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	540,600	13.0%	1,475	22.8	2.8
TNG	153,500	12.5%	1,981	12.9	1.6
VCS	109,100	17.1%	5,381	14.9	2.5
IDC	71,820	31.7%	5,880	10.5	3.2
IDJ	57,500	5.0%	584	12.2	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	486,810	20.0%	5,838	14.9	2.8
BID	265,070	18.1%	3,841	12.1	2.1
HPG	188,370	9.2%	1,455	20.2	1.8
FPT	188,108	22.8%	4,641	27.8	5.9
GAS	178,227	16.4%	4,688	16.6	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,600	7.1%	1,992	21.6	1.5
IDC	20,460	31.7%	5,880	10.5	3.2
HUT	15,619	0.7%	97	179.9	1.4
SHS	15,043	5.7%	688	26.9	1.4
MBS	14,705	13.0%	1,475	22.8	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

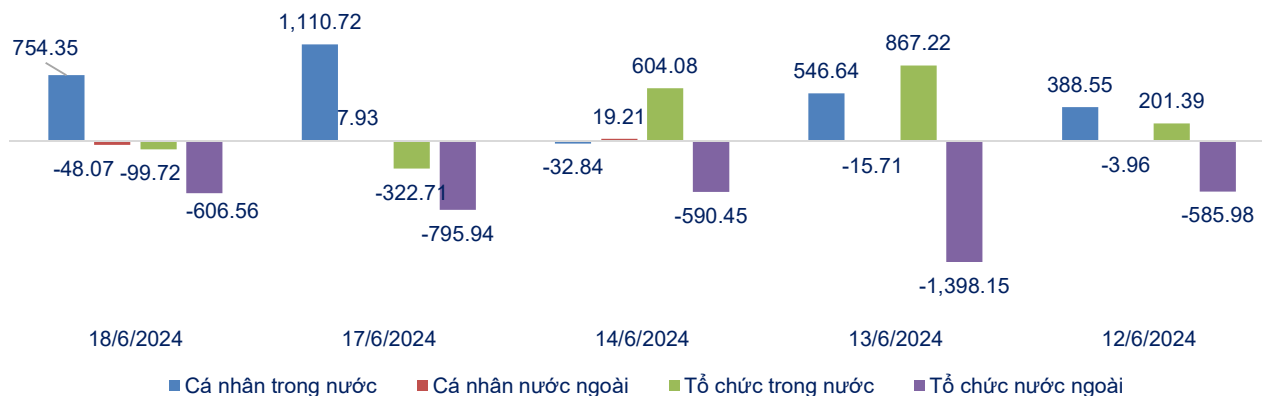
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.69	-9.6%	(1,295)	-	0.5
TCD	2.68	1.7%	213	32.4	0.6
HPX	2.60	4.8%	565	11.0	0.5
EVF	2.57	5.8%	708	22.0	1.3
CIG	2.41	2.7%	138	37.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	3.58	5.0%	584	12.2	0.6
HMR	3.56	9.2%	1,214	25.5	2.4
API	3.19	-6.9%	(772)	-	0.8
PHN	2.96	39.6%	8,294	8.5	3.0
DDG	2.85	-29.5%	(3,011)	-	0.4

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	378.54	22.8%	4,641	27.8	5.9
VPB	85.54	8.9%	1,525	12.3	1.0
MWG	80.86	4.4%	717	86.5	3.5
DGC	80.17	24.6%	7,884	15.4	3.7
HPG	73.16	9.2%	1,455	20.2	1.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	-68.11	15.2%	2,115	7.0	1.0
HDB	-64.90	24.7%	3,829	6.2	1.4
SHI	-50.63	0.2%	26	567.3	1.2
DBC	-37.77	8.9%	1,729	20.0	1.8
POW	-37.59	2.4%	350	39.9	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	16.92	11.1%	1,702	21.1	2.2
VFG	2.39	26.4%	7,629	9.4	2.3
VHM	1.96	12.1%	5,074	7.5	0.8
HSG	1.87	8.1%	1,423	17.7	1.4
FPT	1.04	22.8%	4,641	27.8	5.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-40.00	14.9%	2,310	6.4	0.9
HPG	-15.32	9.2%	1,455	20.2	1.8
VCB	-3.28	20.0%	5,838	14.9	2.8
HVN	-3.28	0.0%	(642)	-	-
MSN	-2.57	0.8%	214	356.2	2.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	66.91	15.2%	2,115	7.0	1.0
HDB	59.85	24.7%	3,829	6.2	1.4
SHI	50.64	0.2%	26	567.3	1.2
GEX	37.97	2.5%	625	38.1	0.9
GVR	25.39	4.6%	628	53.1	2.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-76.73	22.8%	4,641	27.8	5.9
CTG	-42.95	16.2%	3,751	8.7	1.3
HSG	-42.19	8.1%	1,423	17.7	1.4
MBB	-36.63	21.5%	3,860	6.0	1.2
KOS	-35.45	0.8%	82	469.9	3.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	47.80	8.9%	1,729	20.0	1.8
HSG	44.75	8.1%	1,423	17.7	1.4
CTR	36.44	28.4%	4,582	33.9	9.4
TPB	35.31	13.9%	2,041	9.1	1.2
POW	34.94	2.4%	350	39.9	1.0

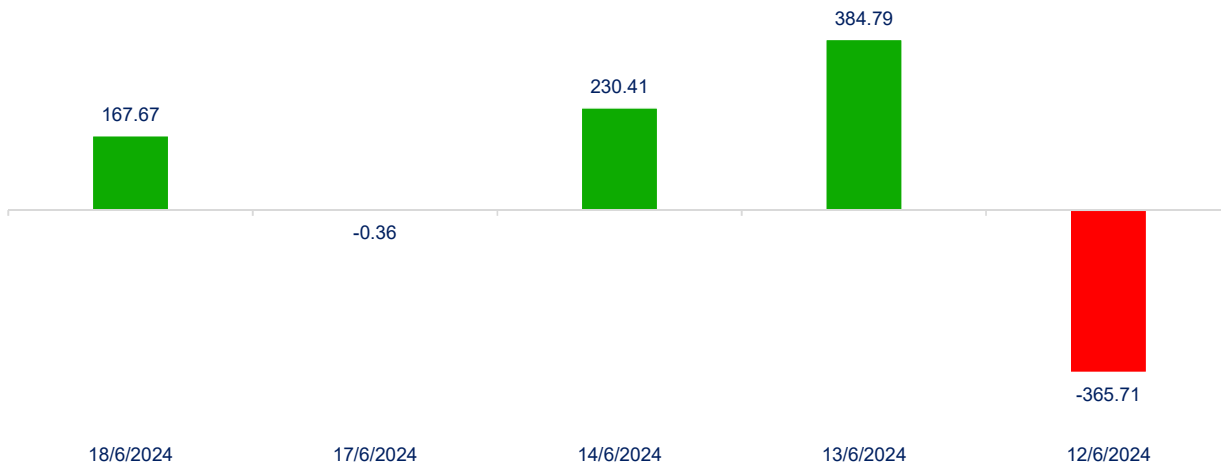
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-302.86	22.8%	4,641	27.8	5.9
VPB	-105.56	8.9%	1,525	12.3	1.0
DGC	-82.36	24.6%	7,884	15.4	3.7
VNM	-78.51	26.0%	4,410	15.0	3.8
MWG	-76.35	4.4%	717	86.5	3.5

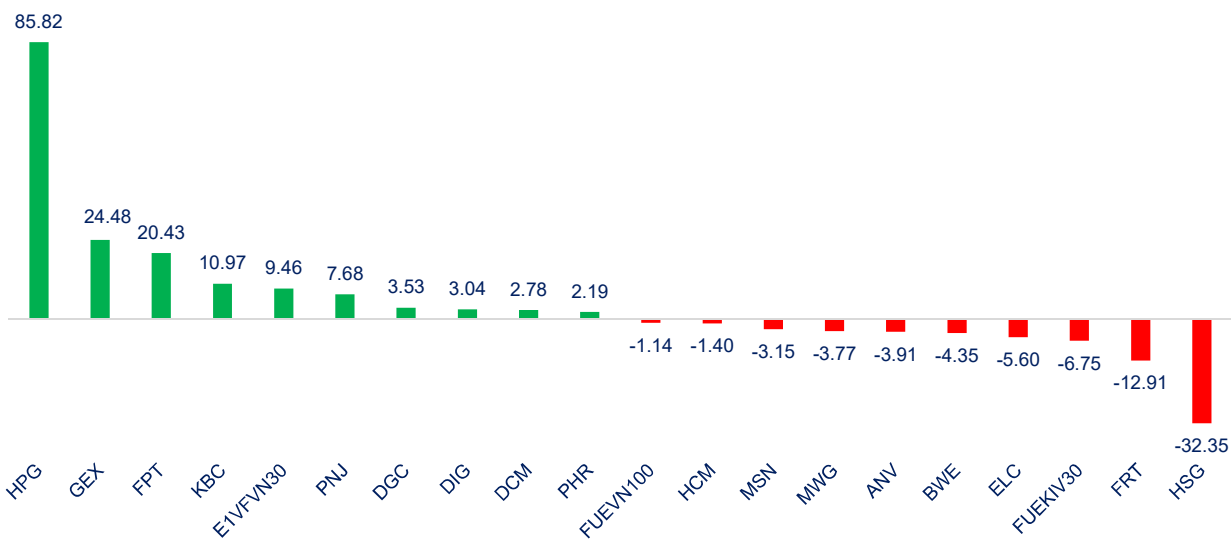


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhatt.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
